| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH KIÊN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 02/2011/QĐ-UBND | *Rạch Giá, ngày 14 tháng 01 năm 2011* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trong giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII, kỳ họp thứ hai mươi chín về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trong giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 376/TTr–STC ngày 17 tháng 12 năm 2010 về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trong giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trong giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015.

**Điều 2.** Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng sở, ban, ngành cấp tỉnh và dự toán chi ngân sách của huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); xã, phường, thị trấn (cấp xã). Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo mức tiền lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng.

**Điều 3.** Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh có phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc để làm căn cứ thực hiện.

Đối với cấp huyện, cấp xã: căn cứ khả năng tài chính – ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, UBND cấp huyện, cấp xã có phương án phân bổ dự toán đảm bảo phù hợp từng cấp ngân sách chính quyền địa phương, phù hợp với

tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Riêng các huyện: Kiên Lương, Giang Thành, thị xã Hà Tiên và thành phố Rạch Giá thì trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm ngân sách 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, bãi bỏ Quyết định số 41/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trong giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2007 đến năm 2010.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh uỷ; TT. HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Như Điều 5 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nknguyen.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRONG GIAI ĐOẠN ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND Ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

## I/. ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN CẤP TỈNH

### 1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương ngân sách đảm bảo.

- Chi hoạt động định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế.

| Các sở, ban, ngành, cơ quan tỉnh (biên chế) | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Trên 25 biên chế | đồng/biên chế/năm | 20.000.000 |
| - Từ 10 - 25 biên chế | đồng/biên chế/năm | 21.000.000 |
| - Dưới 10 biên chế | đồng/biên chế/năm | 22.000.000 |

a) Định mức trên đã bao gồm: các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm; các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm; các khoản kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc và kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

Định mức trên là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ về biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

b) Đối với chi đặc thù được tính trên cơ sở nhiệm vụ thực tế, theo định mức, chế độ và khả năng cân đối ngân sách.

c) Các tổ chức xã hội, xã hội–nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

d) Đối với hợp đồng các chức danh theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền công, tiền lương mỗi đơn vị không quá 04 người. Riêng đối với các Văn phòng: Tỉnh ủy,

Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh bố trí theo số lượng thực tế.

**2. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục**

Được phân bổ trên cơ sở đảm bảo tỷ lệ chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...) bằng 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương bằng 20% (cho năm đầu thời kỳ ổn định). Đối với giáo viên thiếu (chênh lệch giữa giáo viên thực tế so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao) được bố trí kinh phí thanh toán tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản trích theo lương, không bố trí công việc.

- Mức bố trí các khoản trích nêu trên bao gồm các chính sách ưu đãi cho các giáo viên ở các xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ (chưa bao gồm các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, ngân sách sẽ bổ sung theo chế độ quy định);

- Mức phân bổ trên chưa bao gồm kinh phí học tập cho các đối tượng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hỗ trợ chi phí học tập, ngân sách sẽ bổ sung có mục tiêu cho đơn vị thực hiện theo chế độ quy định;

- Mức phân bổ trên chưa bao gồm học phí, việc thu học phí thực hiện theo quy định hiện hành.

**3. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo (bao gồm cả đào tạo nghề)**

Thực hiện theo quyết định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mức chi thường xuyên được tính theo cơ cấu đảm bảo tiền lương, có tính chất lương và các khoản trích theo lương bằng 80%, chi ngoài lương bằng 20%.

Định mức trên là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ;

**4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế**

4.1. Định mức phân bổ dự toán chi đối với khám chữa bệnh được tính theo số giường bệnh của bệnh viện:

| Đơn vị | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Bệnh viện Đa khoa tỉnh (đã bao gồm tính theo yếu tố bệnh viện vùng) | Đồng/giường bệnh/năm | 60.000.000 |
| - Bệnh viện Y học cổ truyền. | Đồng/giường bệnh/năm | 42.000.000 |

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên.

- Định mức trên chưa bao gồm số thu một phần viện phí, việc thu chi viện phí thực hiện theo quy định hiện hành.

4.2. Kinh phí phòng bệnh

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên): định mức phân bổ là 46 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với kinh phí phòng bệnh được tính trên cơ sở nhiệm vụ thực tế, theo định mức, chế độ và khả năng cân đối ngân sách.

4.3. Kinh phí chi sự nghiệp dân số kế hoạch hoá gia đình tuyến tỉnh

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên) được tính theo định mức biên chế là 46 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với kinh phí thực hiện chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình được tính trên cơ sở nhiệm vụ thực tế, theo định mức, chế độ và khả năng cân đối ngân sách.

4.4. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo được xác định trên cơ sở thực tế và mức đóng theo chế độ quy định.

4.5. Đối với chế độ bảo hiểm y tế cận nghèo, học sinh, sinh viên... căn cứ vào đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ có mục tiêu hàng năm theo chế độ quy định.

4.6. Định mức trên là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ;

**5. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy hải sản, thương mại, dịch vụ, giao thông và công nghiệp**

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên): định mức phân bổ 48 triệu đồng/biên chế/năm;

Riêng Vườn Quốc gia Phú Quốc là 62 triệu đồng/ biên chế/năm;

- Đối với các chương trình, dự án (có dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và có kinh phí hàng năm), nhiệm vụ sự nghiệp được giao phân bổ dự toán chi theo công việc cụ thể và trong khả năng cấn đối ngân sách;

- Định mức trên là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ;

**6. Mức phân bổ dự toán chi sự nhiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, du lịch, phát thanh truyền hình, đảm bảo xã hội và sự nghiệp khác**

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên). Định mức phân bổ 48 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với các chương trình, dự án (có dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và có kinh phí hàng năm), nhiệm vụ sự nghiệp được giao phân bổ dự toán chi theo công việc cụ thể và trong khả năng cấn đối ngân sách;

- Định mức trên là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

**7. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường**

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên) được tính theo định mức biên chế là 48 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với các khoản chi cho các công trình phân bổ theo nhiệm vụ cụ thể được cấp thẩm quyền giao và không thấp hơn dự toán Trung ương giao.

**8. Mức phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh**

Dự toán chi cho quốc phòng, an ninh được tính trên cơ sở chế độ, tiêu chuẩn và nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao. Đảm bảo tối thiểu không thấp hơn năm 2010.

## II/. ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

**1. Định mức phân bổ dự toán quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:**

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương ngân sách đảm bảo;

- Chi hoạt động định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế;

| Khu vực | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Khu vực 1 | Đồng/biên chế/năm | 24.000.000 |
| - Khu vực 2 | Đồng/biên chế /năm | 20.000.000 |
| - Khu vực 3 | Đồng/biên chế/ năm | 19.000.000 |

a) Định mức trên đã bao gồm: các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm; các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm; các khoản kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc và kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

b) Đối với chi đặc thù của Huyện ủy, HĐND, UBND; các tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp, hợp đồng theo Nghị định 68, các cơ quan khác cấp huyện...và các chương trình hoạt động đặc thù cấp huyện, được ngân sách nhà nước hỗ trợ: đối với huyện có dân số dưới 100.000 dân được phân bổ thêm 02 tỷ đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số từ 100.000 đến 200.000 dân được phân bổ thêm 2,2 tỷ đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số từ 200.000 dân trở lên được phân bổ thêm 2,4 tỷ đồng/huyện/năm. Đối với huyện có HĐND được bổ sung thêm 200 triệu đồng/huyện/năm, riêng thành phố Rạch Giá 250 triệu đồng/năm.

**2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

- Được phân bổ trên cơ sở đảm bảo tỷ lệ chi lương, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn....) bằng 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương bằng 20% (cho năm đầu thời kỳ ổn định). Đối với giáo viên thiếu (chênh lệch giữa giáo viên thực tế so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao) được bố trí kinh phí thanh toán tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản trích theo lương, không bố trí công việc;

- Mức kinh phí phân bổ dự toán chi như trên đã bao gồm chi chính sách ưu đãi cho các giáo viên công tác tại các xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ;

- Mức phân bổ trên chưa bao gồm kinh phí học tập cho các đối tượng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hỗ trợ chi phí học tập, ngân sách cân đối sẽ bổ sung có mục tiêu cho địa phương thực hiện theo chế độ quy định;

- Đối với các xã có thành lập trung tâm học tập cộng đồng được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên 20 triệu đồng/năm/trung tâm;

- Định mức phân bổ trên chưa bao gồm học phí, việc thu chi học phí thực hiện theo các quy định hiện hành.

**3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế**

3.1. Y tế tuyến huyện

a) Định mức phân bổ dự toán chi đối với khám chữa bệnh được tính theo số giường bệnh của bệnh viện:

- Bệnh viện Phú Quốc, Kiên Hải: định mức 55 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Bệnh viện Giồng Riềng, Vĩnh Thuận: định mức 50 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Bệnh viện An Biên, An Minh, Tân Hiệp, Gò Quao, Hòn Đất và Hà Tiên: định mức 45 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Bệnh viện Rạch Giá, Kiên Lương, Giang Thành, U Minh Thượng, Châu Thành: định mức 42 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Phòng khám khu vực: định mức 38 triệu đồng/giường bệnh/năm. Riêng Phú Quốc và Kiên Hải: định mức 45 triệu đồng/giường bệnh/năm;

- Định mức nêu trên đã bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên;

- Định mức trên chưa bao gồm số thu một phần viện phí, việc thu chi viện phí thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Y tế dự phòng

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên) định mức 46 triệu đồng/biên chế/năm. Riêng huyện Phú Quốc, Kiên Hải, Giang Thành định mức 55 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với kinh phí phòng bệnh được tính trên cơ sở định mức dân số 3.000 đồng/người dân/năm. Đối với cấp huyện có dân số dưới 50.000 dân được phân bổ thêm 150 triệu đồng/huyện/năm, các huyện có dân số từ 50.000 -100.000 dân được phân bổ thêm 100 triệu đồng/huyện/năm.

c) Dân số kế hoạch hoá gia đình

- Kinh phí hoạt động chi thường xuyên của bộ máy tuyến huyện (bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên) định mức 46 triệu đồng/biên chế/năm, tuyến xã 24 triệu đồng/biên chế/năm. Riêng đối với huyện Phú Quốc, Kiên Hải, Giang Thành định mức 55 triệu đồng/biên chế/năm, tuyến xã 27 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với chương trình dân số được tính trên cơ sở định mức dân số 1.500 đồng/người dân/năm.

3.2. Y tế tuyến xã

a) Chi con người: đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

b) Chi công việc

- Xã khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các xã, thị trấn thuộc huyện đảo Phú Quốc và Kiên Hải định mức là 35.000.000 đồng/xã/năm;

- Xã còn lại: định mức phân bổ là 32.000.000 đồng/xã/năm.

c) Y tế ấp: bố trí theo thực tế số ấp có cán bộ phụ trách y tế; mức chi thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

**4. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị xã thành phố**

- Kinh phí hoạt động của trung tâm được bố trí theo định mức hành chính của huyện;

- Kinh phí mở lớp đào tạo, bồi dưỡng được bố trí mức bình quân 300 triệu đồng/trung tâm/năm. Riêng huyện Kiên Hải bố trí 200 triệu đồng/trung tâm/năm.

**5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình**

- Đối với chi hoạt động thường xuyên của bộ máy phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với định mức là 48 triệu đồng/biên chế/năm;

- Đối với chi hoạt động sự nghiệp được tính trên dân số theo khu vực:

| Khu vực | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| a) Sự nghiệp VHTT | | |
| - Khu vực 1 | Đồng/ người dân/năm | 8.100 |
| - Khu vực 2 | Đồng/ người dân/năm | 5.100 |
| - Khu vực 3 | Đồng/ người dân/năm | 3.600 |
| b) Sự nghiệp thể dục, thể thao | | |
| - Khu vực 1 | Đồng/ người dân/năm | 2.500 |
| - Khu vực 2 | Đồng/ người dân/năm | 2.000 |
| - Khu vực 3 | Đồng/ người dân/năm | 1.400 |
| c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình | | |
| - Khu vực 1 | Đồng/ người dân/năm | 6.100 |
| - Khu vực 2 | Đồng/ người dân/năm | 2.900 |
| - Khu vực 3 | Đồng/ người dân/năm | 1.400 |

**6. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: được tính theo dân số chia theo khu vực**

| Khu vực | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Khu vực 1 | đồng/dân | 8.000 |
| - Khu vực 2 | đồng/dân | 5.100 |
| - Khu vực 3 | đồng/dân | 3.600 |

- Định mức trên đã bao gồm các chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết, quản trang, mai táng phí (theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTG ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước).

**7. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng: được tính trên dân số theo khu vực**

| Khu vực | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Khu vực 1 | Đồng/ người dân/năm | 6.600 |
| - Khu vực 2 | Đồng/ người dân/năm | 5.100 |
| - Khu vực 3 | Đồng/ người dân/năm | 4.400 |

- Đối với huyện có dân số dưới 100.000 dân được phân bổ thêm 50 triệu đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số từ 100.000 - 200.000 dân được phân bổ thêm 100 triệu đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số trên 200.000 dân được phân bổ thêm 150 triệu đồng/huyện/năm.

**8. Định mức phân bổ chi an ninh: được tính trên dân số theo khu vực**

| Khu vực | Đơn vị tính | Định mức phân bổ |
|---|---|---|
| - Khu vực 1 | Đồng/ người dân/năm | 4.400 |
| - Khu vực 2 | Đồng/ người dân/năm | 2.900 |
| - Khu vực 3 | Đồng/ người dân/năm | 2.200 |

- Đối với huyện có dân số dưới 100.000 dân được phân bổ thêm 50 triệu đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số từ 100.000 - 200.000 dân được phân bổ thêm 100 triệu đồng/huyện/năm. Các huyện có dân số trên 200.000 dân được phân bổ thêm 150 triệu đồng/huyện/năm.

**9. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính; sự nghiệp khoa học công nghệ; sự nghiệp hoạt động môi trường; sự nghiệp khác**

a) Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính:

- Kiến thiết thị chính: duy tu sửa chữa nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè , công viên, cây xanh, hệ thống thoát nước và thanh toán tiền điện thắp sáng công cộng.

- Sự nghiệp nông-lâm-ngư nghiệp;

- Sự nghiệp giao thông, nông thôn: do cấp huyện quản lý.

Đối với các khoản chi sự nghiệp nêu trên được xác định theo khối lượng công việc, định mức chi tiêu quy định và khả năng ngân sách đảm bảo tăng tối thiểu 10% so với năm 2010.

b) Sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường:

Thực hiện bố trí theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách đảm bảo không thấp hơn định mức của Trung ương.

c) Sự nghiệp khác: đối với chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao với định mức là 50 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức trên đã bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ và các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên.

**10. Định mức phân bổ dự toán chi mua sắm sửa chữa tài sản và chi khác ngân sách:**

- Mua sắm sửa chữa tài sản: phân bổ bằng 0,5% trên tổng các khoản chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 9, Phần II;

- Chi khác (bao gồm vốn đối ứng của dự án): phân bổ bằng 0,5% trên tổng các khoản chi thường xuyên khoản 1 đến khoản 9, Phần II.

## III/. ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

**1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, chính quyền, đoàn thể: được xác định trên cơ sở:**

a) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương ngân sách đảm bảo.

b) Chi hoạt động định mức phân bổ theo tiêu chí loại xã:

| Loại xã | Đơn vị tính | Mức phân bổ |
|---|---|---|
| Loại I | Đồng/xã/năm | 550.000.000 |
| Loại II | Đồng/xã/năm | 500.000.000 |
| Loại III | Đồng/xã/năm | 450.000.000 |

Định mức trên đã bao gồm: các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm; các khoản chi cho lĩnh vực đảm bảo xã hội; văn hoá thể dục thể thao, hoạt động thanh niên tình nguyện, tủ sách pháp luật, một cửa, chi khác...;

c) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và chi khác ngân sách phân bổ 50 triệu đồng/xã/năm;

d) Kinh phí dân quân tự vệ, tuyển quân: được bố trí kinh phí theo quy định.

đ) Đối với người hoạt động không chuyên trách của ấp, khu phố: mức phụ cấp được bố trí đảm bảo theo chế độ quy định, chi công việc được bố trí bằng mức 700.000 đồng/tháng/khu phố, khu vực và 500.000 đồng/tháng/ấp.

**2. Mức phân bổ thêm cho các xã đảo, biên giới**

- Đối với xã đảo (không nằm cùng trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện) được bổ sung thêm theo khu vực xã như sau: xã Tiên Hải, xã Sơn Hải, xã Hòn Thơm là 40 triệu đồng/xã/năm; xã Hòn Nghệ, xã Lại Sơn, xã Nam Du, xã An Sơn là 50 triệu đồng/xã/năm; xã Thổ Châu là 100 triệu đồng/năm;

- Đối với xã biên giới gồm: xã Mỹ Đức, phường Đông Hồ, xã Phú Mỹ, xã Tân Khánh Hòa, xã Vĩnh Điều, xã Phú Lợi, xã Vĩnh Phú, xã Bãi Thơm, xã Cửa Cạn, xã Gành Dầu được bổ sung 40 triệu đồng/xã/năm.

## IV/. MỨC CHI LẬP QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 /4/2010 của Chính phủ được tính bằng 1% trên tổng các khoản chi thường xuyên của mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã).

## V/. DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2011:

Được tính bằng 3% trên tổng chi cân đối của từng cấp ngân sách.

## VI/. CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH

**1. Xác định khu vực: có 3 khu vực**

- Khu vực 1: huyện Phú Quốc, huyện Kiên Hải và huyện Giang Thành;

- Khu vực 2: huyện An Minh, huyện Vĩnh Thuận, huyện Kiên Lương, huyện An Biên, huyện Gò Quao, huyện Giồng Riềng, thị xã Hà Tiên và U Minh Thượng;

- Khu vực 3: thành phố Rạch giá, huyện Tân Hiệp, huyện Hòn Đất, huyện Châu Thành.

**2. Loại xã:** xác định loại xã theo Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

- Cơ sở xác định các chức danh, số lượng công chức xã: căn cứ Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 26/7/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã phường, thị trấn, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở cấp ấp, khu phố thuộc tỉnh Kiên Giang.

**3. Dân số:** được xác định theo số liệu Cục Thống kê công bố

**4. Biên chế và giường bệnh**: căn cứ vào chỉ tiêu được UBND tỉnh giao hàng năm.

**5. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách:** đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh, dự toán ngân sách hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí tùy theo khả năng của ngân sách để giảm bớt khó khăn cho các địa phương này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT . CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nam**